

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC CHỦNG LOẠI MÁY, THIẾT BỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM GIẢM TỔN THẤT TRONG NÔNG NGHIỆP BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 08/2014/TT-BNNPTNT NGÀY 20/3/2014 CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có Danh mục kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương; Bộ TC; Bộ KH&CN, NHNNVN;
- Hội Nông dân VN; Liên minh HTX Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ tư pháp;
- Công báo Chính phủ; Website Chính phủ;
- Website Bộ;
- Các Cục, Vụ, Tổng cục thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, CB.

Cao Đức Phát

DANH MỤC

CHUNG LOẠI MÁY, THIẾT BỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM GIẢM TỶ LỆ TRONG NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 02 /2016/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

TT	Danh mục máy móc, thiết bị
1	Các loại máy kéo, động cơ các loại (Diezen, xăng, điện) sử dụng trong canh tác, thu hoạch, chế biến nông sản, lâm sản; sản xuất muối; nuôi trồng, khai thác thủy sản, lâm nghiệp; dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản
2	Các loại máy làm đất (cày, bừa, phay, bánh lồng, rạch hàng, bạt gốc); máy san phẳng đồng ruộng bằng laser; Máy đào hố trồng cây; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng cây; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thâm (máy nghiền, máy sàng, máy trộn, máy rải đất, nhà bao che, khay mạ); máy chăm sóc (xới, vun luống, bón phân, phun thuốc trừ sâu), máy bơm nước.
3	Hệ thống máy, thiết bị tưới nước tiết kiệm (máy bơm, bể chứa, đường ống, van áp lực, vòi phun, đầu tưới, thiết bị lọc, thiết bị kiểm soát áp lực...): tưới phun; tưới nhỏ giọt; tưới quay vòng tự hành; Hệ thống máy, thiết bị điện chiếu sáng (trạm biến áp, đường dây, đèn chiếu sáng) cho cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.
4	Các loại máy thu hoạch: lúa, ngô, mía, cà phê, sắn, khoai lang, đậu nành (đậu tương); mè (vừng); máy đốn, hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẻ hạt ngô; máy tẻ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy, thiết bị sơ chế cà phê thóc ướt; máy khai thác, thu gom, vận xuất rừng trồng.
5	Máy sấy nông sản, lâm sản, thủy sản (bao gồm các phụ kiện: lò đốt, quạt, buồng (bể) sấy, nhà bao che, băng tải, vít tải, trạm biến áp). Silô, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô, cà phê, chè, tôm, cá, mực khô quy mô hộ gia đình.
6	Máy, thiết bị sản xuất muối sạch, hệ thống phủ bạt che mưa và bạt lót trên sân kết tinh muối.
7	Máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi: máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy nghiền, máy trộn thức ăn, máy ép viên thức ăn chăn nuôi, máy thái rau, củ, quả; Máy vắt sữa; thiết bị bảo quản lạnh sữa; máy phân tích chất lượng sữa; Thiết bị cung cấp nước uống, thức ăn tự động cho gia súc, gia cầm; Máy, thiết bị chăn nuôi gà đẻ tự động, máy rửa khay trứng, máy khử trùng trứng, băng tải trứng, thu gom, đóng gói trứng tự động, máy soi trứng gia cầm, thiết bị tiêm tự động; Máy, thiết bị sưởi ấm, làm mát, dọn vệ sinh chuồng trại; máy xới đệm lót sinh học; máy phun khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi; Máy phát điện chạy bằng khí Biogas; Máy ấp, nở trứng gia cầm.
8	Máy, thiết bị sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng thủy sản (động cơ nổ, động cơ điện, hệ thống quạt nước, hệ thống cấp ô xy đáy); thu hoạch thủy sản: máy, thiết bị hút, chuyển cá.
9	Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới, câu; máy xung điện trong khai thác cá ngừ; tời lưới; máy, thiết bị thông tin liên lạc; hầm (buồng), tủ cấp đông có gắn thiết bị lạnh;

	thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có hoặc không gắn thiết bị lạnh; máy, thiết bị sản xuất nước đá sệt từ nước biển, nước muối; thiết bị lọc nước biển thành nước ngọt sử dụng trên tàu cá đánh bắt xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần.
10	Máy, thiết bị sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông, lâm sản: máy băm rơm, rạ, cỏ, lá mía, bã mía, cành, nhánh gỗ (cao su, rừng trồng, rừng tự nhiên); máy nén cỏ, đóng gói ủ chua; máy ép củ trấu, mùn cưa; máy ép dầu cám, máy ép gỗ, sản xuất viên nén (palit). Các loại máy, thiết bị xử lý phế và phụ phẩm sau chế biến thủy sản: tôm, cá, các loại vỏ nghêu, sò, ốc, hến, hào.
11	Máy (xe) thu gom, bốc mía, lúa, cuốn rơm rạ trên đồng ; phà (trệt) chở máy gặt; xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ (công suất động cơ không quá 15kW, khối lượng toàn bộ lớn nhất của xe không quá 1.000 kg).

